

Số: 0221 /QĐ-SYT

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh tuần 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 04 tháng 03 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **28** cá nhân đủ điều kiện (*Chi tiết theo phụ lục I đính kèm*).

Điều 2. Thu hồi **02** Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (*Chi tiết theo phụ lục II đính kèm*).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./nh*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (*đăng tải*);
- Lưu: VT, NVYD (01b). *vn*

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Le. [Signature]

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 09 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định 0221 /QĐ-SYT ngày 04 tháng 03 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Đặng Mùi Tiên	09/07/2003	067303005534	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001777/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
2	Hoàng Phước Lưu	01/08/2003	045203001299	16/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001778/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	Hoàng Thị Hành	10/01/2003	066303007107	08/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001779/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Nguyễn Trọng Việt	23/05/2003	066203010567	25/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001780/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
5	Trần Thị Giang	04/04/2003	066303006257	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001781/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
6	Xa Thị Như Hà	27/10/2003	066303001925	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001782/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
7	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	13/11/2000	066300007428	13/10/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	001783/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Nguyễn Văn Hoàng Đức	07/08/1999	067099000906	30/08/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001784/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Lê Hoàng	02/05/1996	066096013355	08/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi	001785/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Lê Văn Nam	29/11/1997	066097000274	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	001786/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Nguyễn Thanh Thắng	18/02/1997	066097017218	15/01/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	001787/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Nguyễn Trúc My	18/10/2003	054303004324	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001788/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
13	Đỗ Thị Kim Ngân	13/11/2003	054303003252	10/08/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001789/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
14	Nguyễn Hữu Lương	09/12/2002	036202017431	24/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001790/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Bạch Quang Thiện	13/12/1978	024078015920	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001791/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Phạm Thị Công Thành	19/05/1988	054188007399	25/07/2024	Bộ Công an	Y sĩ	Đa khoa	001792/ĐL-GPHN	06/03/2026	/ /2026	Cấp mới (thay đổi chức danh)
17	Đoàn Thị Thúy Hương	07/11/1998	066198001801	16/02/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Da liễu	001793/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	Đinh Nguyễn Thảo Nguyên	10/07/2003	062303001880	19/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Hình ảnh Y học	001794/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	Trần Ngọc Lâm	10/04/2002	066302015967	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001795/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
20	Trần Thị Thúy	17/05/2003	035303008117	14/09/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Hộ sinh	Hộ sinh	001796/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
21	Đinh Nguyễn Huy Hoàng	28/02/2000	054200005134	06/03/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001797/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Trương Thị Cẩm Hương	24/04/2000	054300008498	26/03/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001798/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	Trần Thị Thúy Phượng	25/07/1984	054184003462	02/12/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001799/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp lại
24	H Ni Na Niê	20/03/2003	066303005627	15/09/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Hộ sinh	001800/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	Nguyễn Thị Minh Thương	07/09/2003	066303002813	16/02/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001801/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Võ Thịnh Hưng	22/12/2003	054203002173	14/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001802/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
27	Trương Thị Ngọc Anh	22/11/2000	066300015194	25/11/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001803/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
28	Nguyễn Thị Thủy Tiên	20/11/1999	049199003826	22/08/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản Phụ khoa	001804/ĐL-GPHN	06/03/2026	06/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 28 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 09 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định 0221 /QĐ-SYT ngày 04 tháng 03 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Phạm Thị Công Thành	19/05/1988	221220399	0001773/PY-CCHN	30/09/2015	Hộ sinh viên	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy Định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Trần Thị Thúy Phương	25/07/1984	221094185	0001265/PY-CCHN	22/09/2014	Điều dưỡng viên	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 02 cá nhân./.